

Số: 01/BC-UBND

Bắc Giang, ngày 05 tháng 01 năm 2019

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình, kết quả công tác kiểm soát thủ tục hành chính năm 2018 và nhiệm vụ, giải pháp năm 2019 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

Thực hiện Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC); Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC và hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ về báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát TTHC tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang báo cáo kết quả công tác kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh năm 2018 (từ ngày 01/01/2018 đến ngày 15/12/2018) và nhiệm vụ, giải pháp năm 2019, cụ thể như sau:

#### **I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC KIỂM SOÁT TTHC NĂM 2018**

##### **1. Công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động kiểm soát TTHC**

Ban hành và chỉ đạo các sở, ban, ngành và UBND huyện, thành phố thực hiện các kế hoạch về kiểm soát TTHC năm 2018; rà soát, đánh giá TTHC năm 2018; cải cách hành chính nhà nước tỉnh năm 2018. Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo và thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ và các Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội<sup>[1]</sup>. Trong đó, tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo điều hành, đẩy mạnh cải cách TTHC, thường xuyên rà soát, đơn giản hóa các TTHC để cắt giảm chi phí, thời gian cho người dân, doanh nghiệp.

Chỉ đạo tổ chức triển khai Quyết định số 559/QĐ-TTg ngày 24/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt “Đề án đơn giản hóa chế độ báo cáo trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước” đạt các mục tiêu, sản phẩm theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, cắt giảm được trên 24% chế độ báo cáo định

<sup>1</sup> Các Kế hoạch của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh: Kế hoạch số 4405/KH-UBND ngày 18/12/2017 về kiểm soát TTHC năm 2018, Kế hoạch số 4388/KH-UBND ngày 15/12/2017 về rà soát, đánh giá TTHC năm 2018, Kế hoạch số 4473/KH-UBND ngày 22/12/2017 về CCHC năm 2018; Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 19/01/2018 về thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ.

kỳ thuộc thẩm quyền quản lý<sup>[2]</sup>, đồng thời ban hành văn bản hướng dẫn đối với các chế độ báo cáo đề nghị sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi quản lý<sup>[3]</sup>.

Ban hành kế hoạch<sup>[4]</sup> và tổ chức triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ. Trong đó, tập trung chỉ đạo các sở, ngành, địa phương xây dựng, ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; thành lập, kiện toàn tổ chức bộ máy, và bố trí trụ sở, trang thiết bị của Bộ phận Một cửa các cấp; triển khai ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

Chỉ đạo các sở, ngành, rà soát trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố danh mục TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông<sup>[5]</sup>; tổ chức sơ kết 02 năm hoạt động của Trung tâm Hành chính công và chuyển giao Trung tâm Hành chính công từ Sở Nội vụ về Văn phòng UBND tỉnh, đồng thời đổi tên thành Trung tâm Phục vụ Hành chính công.

Tổ chức sơ kết 02 năm triển khai thực hiện Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện tiếp nhận và trả kết quả thông qua dịch vụ bưu chính công ích trên địa bàn tỉnh. Ban hành 17 quyết định công bố danh mục 1.231 TTHC thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích (đạt tỷ lệ 62,2%). Trong đó, cấp tỉnh là 1.021 TTHC, cấp huyện là 174 TTHC và cấp xã là 36 TTHC.

Chỉ đạo các sở, ngành, UBND huyện, thành phố triển khai Quyết định số 1380/QĐ-TTg ngày 18/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án liên thông các TTHC: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí.

## **2. Đánh giá tác động; thẩm định, thẩm tra TTHC trong lập đề nghị xây dựng và dự án, dự thảo VBQPPL**

Chỉ đạo các sở, ngành thực hiện ban hành quy định về TTHC thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh bảo đảm đúng theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) năm 2015 và Nghị định số 63/2010/NĐ-CP, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP. Trong đó, giao Sở Tư pháp thường xuyên phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh kiểm soát quy định, TTHC trong các văn bản QPPL các sở, ban, ngành tham mưu, trình UBND tỉnh.

Trong năm 2018, đã thẩm định, thẩm tra 01 dự thảo văn bản QPPL có quy định TTHC (*Có Biểu 01b và 02c/VPCP/KSTT kèm theo*).

## **3. Về công bố, công khai TTHC**

<sup>[2]</sup> Quyết định số 379/QĐ-UBND ngày 28/3/2018 của UBND tỉnh về Phê duyệt phương án đơn giản hóa chế độ báo cáo định kỳ thuộc thẩm quyền ban hành, thực hiện trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

<sup>[3]</sup> Công văn số 203/UBND-KSTTHC ngày 16/10/2018 về việc hướng dẫn thực thi phương án đơn giản hóa chế độ báo cáo định kỳ

<sup>[4]</sup> Kế hoạch số 184/KH-UBND ngày 28/9/2018 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh.

<sup>[5]</sup> Quyết định số 1907/QĐ-UBND và 1908/QĐ-UBND ngày 05/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Chỉ đạo các sở, ngành thực hiện công bố TTHC theo đúng thẩm quyền, quy trình chặt chẽ đảm bảo độ tin cậy, chính xác, đầy đủ, kịp thời và đúng thời hạn quy định. Trên cơ sở quyết định công bố của Bộ, ngành, các sở, ngành chủ động<sup>[6]</sup> tham mưu, trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 36 quyết định công bố 1.057 TTHC áp dụng trên địa bàn tỉnh (*tăng 20 Quyết định so với năm 2017*).

Sau khi công bố, các TTHC đã được cập nhật và đăng tải công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, Trang thông tin về TTHC của tỉnh và niêm yết tại nơi tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC.

Tính đến ngày 15/12/2018, toàn tỉnh Bắc Giang có 2.136 TTHC, trong đó: cấp tỉnh 1.568 TTHC, cấp huyện 376 TTHC và cấp xã 192 TTHC.

*(Có Biểu 03b/VPCP/KSTT kèm theo)*

#### **4. Về tình hình, kết quả giải quyết TTHC**

Trong năm 2018, nhìn chung tình hình tiếp nhận, giải quyết TTHC tại các cơ quan, đơn vị, địa phương đã được quan tâm thực hiện, bảo đảm đúng quy định pháp luật về TTHC, giải quyết TTHC trên phần mềm một cửa điện tử, tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng và trước hạn đạt cao<sup>[7]</sup>, cụ thể:

Toàn tỉnh đã tiếp nhận: **956.069** hồ sơ TTHC (*giảm 189.169 hồ sơ so với năm 2017*), trong đó:

- Tổng số hồ sơ đã giải quyết: 949.751 hồ sơ:
  - + Số hồ sơ giải quyết trả đúng hạn: 947.269 hồ sơ (đạt tỷ lệ 99,53%);
  - + Số hồ sơ giải quyết trả quá hạn: 2.482 hồ sơ (chiếm tỷ lệ 0,47%).
- Tổng số hồ sơ đang giải quyết: 6.318 hồ sơ (*Số hồ sơ giải quyết chưa đến hạn: 6.126 hồ sơ; số hồ sơ giải quyết chậm: 192 hồ sơ*).
- Tổng số hồ sơ tiếp nhận, trả kết quả qua dịch vụ bưu chính viễn thông trên địa bàn tỉnh: 14.544 hồ sơ.

*(Có Biểu 06đ/VPCP/KSTT; 06g/VPCP/KSTT và Biểu tổng hợp tình hình, kết quả giải quyết TTHC của các huyện, thành phố kèm theo)*

#### **\* Về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông:**

Trung tâm Hành chính công tỉnh Bắc Giang đã được thành lập và đi vào hoạt động từ năm 2016. Đến nay, có 22 sở, ban, ngành (*trừ Thanh tra tỉnh, Ban Dân tộc*), 03 cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn (*Công an tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Cục thuế tỉnh*) và 02 doanh nghiệp (*Bưu điện tỉnh, Điện lực tỉnh*) thực hiện tiếp nhận và giải quyết 1.971 TTHC tại Trung tâm.

Ngày 26/12/2018, Trung tâm Hành chính công tỉnh đã được bàn giao từ Sở Nội vụ về Văn phòng UBND tỉnh và đổi tên thành Trung tâm Phục vụ hành chính công theo đúng quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

<sup>[6]</sup> Các sở, ngành thực hiện tốt công bố TTHC: Sở Công Thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Tư pháp.

<sup>[7]</sup> Các sở, ngành, địa phương giải quyết tốt thủ tục hành chính: Sở Công Thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Lao động TB&XH, Sở Xây dựng, TP.Bắc Giang, huyện Lạng Giang huyện Yên Thế.

Đến nay, toàn tỉnh đã thành lập và duy trì hoạt Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại 230/230 xã, phường, thị trấn và 10/10 huyện, thành phố.

Trung tâm Phục vụ hành chính công và Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã đã tiếp nhận và giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông 898.606 hồ sơ (*chiếm tỷ lệ 94% so với tổng số hồ sơ tiếp nhận*).

**\* Về triển khai cung cấp dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 3,4**

Hiện nay, toàn tỉnh có 806 TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến, chiếm 37,2% tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết. Trong đó, các sở, ngành cung cấp 759 TTHC, cấp huyện: 29 TTHC và cấp xã 18 TTHC.

Trong năm 2018, toàn tỉnh có tổng số hồ sơ tiếp nhận qua dịch vụ công trực tuyến là 10.334 hồ sơ. Tập trung ở các Sở, ngành: Công thương, Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động, TB&XH, Nông nghiệp và PTNT, Tài chính.

**5. Về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính**

UBND tỉnh đã triển khai Quyết định số 574/QĐ-TTg ngày 25/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế tiếp nhận, xử lý và trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, UBND tỉnh. Giao Văn phòng UBND tỉnh thường xuyên theo dõi, cập nhật phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trên Hệ thống tiếp nhận, trả lời kiến nghị của doanh nghiệp/người dân (*do Văn phòng Chính phủ quản lý*).

Đồng thời, địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính của UBND tỉnh được niêm yết công khai tại Bộ phận Một cửa các cấp và được duy trì thường xuyên. Trong năm 2018, đã tiếp nhận và xử lý xong 06 phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, giải quyết TTHC (*Có Biểu 05b/VPCP/KSTT kèm theo*).

Ngoài ra, các sở, ngành và UBND huyện, thành phố cũng duy trì việc tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị do người dân trực tiếp phản ánh, kiến nghị về TTHC tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

**6. Về rà soát, đơn giản hóa TTHC**

Chỉ đạo các sở, ngành, địa phương thực hiện rà soát quy định, TTHC trọng tâm theo Kế hoạch của Chủ tịch UBND tỉnh. Qua rà soát đã kiến nghị đơn giản hóa 14 TTHC thuộc lĩnh vực Tư pháp, Xây dựng, Thông tin và Truyền thông, Lao động-Thương binh và Xã hội, Giáo dục và Đào tạo, Nội vụ; 07 văn bản QPPL cần sửa đổi, bổ sung được phê duyệt tại Quyết định số 1345/QĐ-UBND ngày 30/8/2018. (*Có Biểu 04b/VPCP/KSTT kèm theo*).

**7. Về kiểm tra hoạt động kiểm soát TTHC**

UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo cải cách hành chính tỉnh ban hành kế hoạch và tổ chức kiểm tra công tác cải cách hành chính, kiểm soát TTHC tại 07 huyện và 10 sở, ngành. Qua kiểm tra đã kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những tồn tại, thiếu sót trong hoạt động kiểm soát TTHC, xử lý các trường hợp tự đặt ra

TTHC, hồ sơ giấy tờ ngoài quy định của pháp luật, chậm chễ trong việc giải quyết TTHC, gây khó khăn, phiền hà, những nhiều đối với cá nhân, tổ chức trong tiếp nhận, giải quyết TTHC.

## **8. Về truyền thông, hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC**

Nhằm nâng cao nghiệp vụ công tác kiểm soát TTHC cho cán bộ, công chức, Văn phòng UBND tỉnh đã tổ chức 06 lớp tập huấn nghiệp vụ kiểm soát TTHC cho hơn 1.000 cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh.

Đoàn Thanh niên các cơ quan tỉnh đã tổ chức Hội thi thanh niên với cải cách TTHC và phong trào sáng tạo trẻ, với sự tham gia của trên 500 đoàn viên, thanh niên của các sở, ban, ngành. Hội thi đã giúp nâng cao nhận thức của đoàn viên, thanh niên về cải cách TTHC, kiểm soát TTHC.

Nhằm tăng cường phản ánh, trao đổi trực tiếp từ phía người dân, doanh nghiệp, UBND tỉnh đã giao một số sở, ngành: Sở Y tế, Sở Giao thông vận tải, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Nông nghiệp và PTNT tổ chức đối thoại với người dân, doanh nghiệp về TTHC. Một số đơn vị không được giao đã chủ động tổ chức đối thoại như: Sở Tư pháp.

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện mẫu hóa TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết để hướng dẫn tổ chức, công dân khi thực hiện TTHC. Đồng thời hỗ trợ công chức một cửa trong quá trình tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC.

Công tác kiểm soát TTHC, cải cách TTHC và chính sách, pháp luật liên quan đến thủ tục hành chính và hướng dẫn thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4, các thủ tục mới được công bố cho tổ chức, cá nhân thường xuyên được tuyên truyền trên Báo Bắc Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Cổng thông tin điện tử của tỉnh hệ thống loa truyền thanh cơ sở.

## **II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN**

### **1. Tồn tại, hạn chế**

- Công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động kiểm soát TTHC cơ bản được thực hiện kịp thời có chất lượng, theo chỉ đạo của Chính phủ, Văn phòng Chính phủ. Tuy nhiên, việc chuyển giao cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP từ Sở Nội vụ về Văn phòng UBND tỉnh còn chậm ..

- Việc tham mưu, trình công bố danh mục TTHC<sup>[8]</sup> thuộc phạm vi chức năng quản lý ở một số sở, ngành còn chưa chủ động, chất lượng tham mưu chưa tốt.

- Việc niêm yết TTHC tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của xã, phường, thị trấn theo hướng dẫn của Thông tư số 02/2017/TT-VPCP còn lúng

<sup>[8]</sup> Các đơn vị chậm tham mưu công bố: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Lao động, TB&XH, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Y tế, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

túng, chưa kịp thời, chưa được quan tâm<sup>[9]</sup>.

- Hồ sơ giải quyết đúng và trước hạn đạt tỷ lệ cao nhưng một số sở, ngành, địa phương vẫn còn giải quyết TTHC chậm cho tổ chức, cá nhân<sup>[10]</sup>.

- Mặc dù TTHC thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến (mức độ 3, 4) và dịch vụ bưu chính công ích có số lượng lớn. Tuy nhiên, số hồ sơ thực hiện theo loại hình dịch vụ này của các sở, ngành, địa phương còn thấp so với tổng số hồ sơ tiếp nhận<sup>[11]</sup>.

- Công tác rà soát quy định, TTHC của một số cơ quan, đơn vị, địa phương còn mang tính chất hình thức, chưa có chiều sâu, chưa chủ động rà soát TTHC thuộc thẩm quyền quản lý, ngoài những TTHC được phân công rà soát trong Kế hoạch 4388/KH-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh<sup>[12]</sup>.

- Qua kiểm tra, tại một số cơ quan, đơn vị vẫn còn tình trạng thực hiện các quy định về cơ chế một cửa, một cửa liên thông và kiểm soát giải quyết TTHC chưa đảm bảo theo quy định như: Chưa mở đầy đủ sổ theo dõi tình hình giải quyết TTHC, thu thừa thành phần hồ sơ theo quy định; không có phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; quy trình giải quyết TTHC trên phần mềm một cửa điện tử không thống nhất với quy trình giải quyết hồ sơ trên giấy; một số đơn vị cấp xã chưa sử dụng phần mềm Một cửa điện tử.

- Công tác truyền thông, hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC có nhiệm vụ thực hiện chưa đảm bảo theo yêu cầu của kế hoạch đặt ra: Các huyện, thành phố chưa tổ chức đối thoại với tổ chức, cá nhân về TTHC trong phạm vi quản lý; một số huyện chưa thực hiện mẫu hóa, số hóa TTHC theo Nghị quyết số 136-NQ/TU của tỉnh ủy Bắc Giang<sup>[13]</sup>; việc khảo sát, lấy ý kiến sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC chưa đảm bảo thời gian theo quy định.

- Một số sở, ngành và huyện, thành phố chưa quan tâm và thực hiện chưa tốt công tác theo dõi, tổng hợp và báo cáo về giải quyết TTHC như: Sở Giao thông vận tải, huyện Lạng Giang, TP Bắc Giang, huyện Lục Nam, huyện Lục Ngạn, huyện Tân Yên.

## **2. Nguyên nhân:**

### **\* Nguyên nhân chủ quan**

- Người đứng đầu một số sở, ngành, địa phương chưa quan tâm, chỉ đạo thực hiện công tác cải cách, kiểm soát TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một

<sup>[9]</sup> Một số đơn vị chưa quan tâm, thực hiện tốt việc niêm yết công khai TTHC: Huyện Lục Ngạn, huyện Yên Dũng, Sơn Động, Yên Thế.

<sup>[10]</sup> Các sở, ngành, địa phương có hồ sơ quá hạn: Sở Kế hoạch và Đầu tư (108 h/s), Sở Tư pháp (173 h/s), Sở Ngoại vụ (23 h/s), Sở Nội vụ (49 h/s); huyện Lục Ngạn (247 h/s), huyện Yên Dũng (617h/s), Lục Nam (679 h/s), huyện Hiệp Hòa (288 h/s), Lạng Giang (163 h/s), Việt Yên (102 h/s), Tân Yên (262 h/s).

<sup>[11]</sup> Các đơn vị không có hồ sơ thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến (mức độ 3, 4): Sở Khoa học và CN, Sở Y tế, Sở Văn hóa, TT&DL, Sở Lao động-TB&XH, Ban Quản lý các KCN, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và MT, Ngoại vụ, Sở Nội vụ và UBND huyện, thành phố.

<sup>[12]</sup> Các đơn vị rà soát TTHC chưa tốt: Sở Tài nguyên và Môi trường, huyện Tân Yên.

<sup>[13]</sup> Các đơn vị chưa thực hiện mẫu hóa: Huyện Yên Thế, Tân Yên, Yên Dũng, Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam.

cửa liên thông; chưa đầu tư thỏa đáng thời gian, nguồn lực nghiên cứu các giải pháp mới, có tính sáng tạo trong việc thực hiện nhiệm vụ cải cách, kiểm soát TTHC; việc tham mưu trong thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC của đơn vị chuyên môn còn chưa quyết liệt, chưa phát huy hết vai trò.

- Trình độ năng lực của cán bộ tiếp nhận, giải quyết TTHC còn hạn chế; công tác phối hợp trong giải quyết TTHC còn chưa tốt. Trách nhiệm giải quyết TTHC của một số cán bộ, công chức chưa cao.

- Công tác truyền thông về hoạt động kiểm soát TTHC nói chung, truyền thông về sử dụng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ bưu chính công ích nói riêng chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra nên chưa nâng cao được nhận thức của người dân, doanh nghiệp về lợi ích của việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ bưu chính công ích.

**\* Nguyên nhân khách quan:**

- Một số văn bản quy định, hướng dẫn liên quan đến công tác kiểm soát thủ tục hành chính, cơ chế một cửa, một cửa liên thông do trung ương ban hành còn chậm.

- Văn bản quy định về TTHC thường xuyên có sự thay đổi, kéo theo nhiều nhiệm vụ phải thực hiện khi TTHC thay đổi như: công bố, công khai TTHC; cập nhật, sửa đổi quy trình quản lý chất lượng ISO (quy trình nội bộ); sửa đổi quy trình trên phần mềm Một cửa điện tử;...

- Phần mềm Một cửa điện tử còn lỗi và hoạt động không ổn định, gây khó khăn trong việc giải quyết TTHC. Phần mềm chuyên ngành và Phần mềm Một cửa điện tử chưa kết nối với nhau nên cán bộ, công chức mất nhiều thời gian xử lý đồng thời trên nhiều hệ thống.

### **III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CÔNG TÁC KIỂM SOÁT TTHC NĂM 2019**

1. Kịp thời triển khai các nhiệm vụ về cải cách, kiểm soát TTHC theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Văn phòng Chính phủ. Trọng tâm là thực hiện có chất lượng, hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ và Kế hoạch 184/KH-UBND ngày 28/9/2018 của UBND tỉnh.

2. Tiếp tục triển khai Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo đạt các mục tiêu đã đề ra.

3. Kiểm soát tốt việc ban hành TTHC trong văn bản QPPL của địa phương theo quy định Luật ban hành văn bản QPPL và Nghị định số 63/2010/NĐ-CP.

4. Trên cơ sở công bố TTHC của các bộ, ngành, chỉ đạo các sở, ngành kịp thời trình công bố TTHC (trong đó, có hình thức thực hiện TTHC theo cơ

ché một cửa, một cửa liên thông); cập nhật đầy đủ, kịp thời trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, Công thông tin điện tử của tỉnh và niêm yết công khai tại nơi tiếp nhận hồ sơ TTHC.

5. Chỉ đạo các sở, ngành, địa phương giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân theo đúng quy định của pháp luật, nhất là bảo đảm về thời hạn giải quyết. Trong đó, tập trung nâng cao số lượng hồ sơ được thực hiện thông qua dịch vụ bưu chính công ích và dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 tại Quyết định số 1907/QĐ-UBND và Quyết định số 1908/QĐ-UBND ngày 05/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.

6. Tăng cường kiểm tra, giám sát thường xuyên, đột xuất công tác cải cách hành chính, kiểm soát TTHC, cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

#### IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

1. Đề nghị Chính phủ sớm ban hành Nghị định quy định về chế độ thông tin báo cáo của các cơ quan hành chính nhà nước.

2. Đề nghị Thủ tướng Chính phủ sớm ban hành danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng tại địa phương đưa ra tiếp nhận và giải quyết tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện.

3. Đề nghị Văn phòng Chính phủ sớm có văn bản hướng dẫn, thống nhất xây dựng phần mềm chế độ thông tin báo cáo theo Đề án Đơn giản hóa chế độ thông tin báo cáo của Thủ tướng Chính phủ.

Đề nghị Bộ Tài chính sớm ban hành Thông tư quy định về mức chi phục vụ các hoạt động thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

Trên đây là báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính năm 2018 và nhiệm vụ, giải pháp năm 2019, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang báo cáo Văn phòng Chính phủ./.

*Nơi nhận:*

- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, KSTT.

*Bản điện tử:*

- TT Tỉnh ủy, TT HĐND;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- Cơ quan TW đóng trên địa bàn;
- UBND huyện, thành phố;
- VP UBND tỉnh: LĐVP; các phòng, đơn vị.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Linh



**Biểu số 01b/VPCP/KSTT**  
Ban hành theo Thông tư số  
02/2017/TT-VPCP ngày 31/01/2017



**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG**  
**QUY ĐỊNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)**  
**TẠI TỈNH BẮC GIANG**

Kỳ báo cáo: Năm 2018  
(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 15 tháng 12 năm 2018)

**Đơn vị báo cáo:** UBND tỉnh Bắc Giang (Văn phòng UBND tỉnh)  
**Đơn vị nhận báo cáo:** Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC)

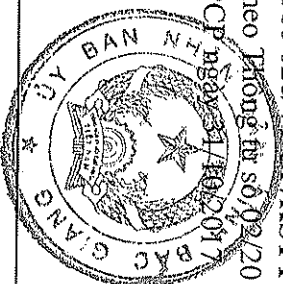
Đơn vị tính: Văn bản, TTHC

TT	Đơn vị thực hiện	Tổng số			Phân loại TTHC đã đánh giá tác động theo tên văn bản QPPL				Phân loại TTHC đã đánh giá tác động về nội dung		
		TTHC đã được ban hành	TTHC đã được đánh giá tác động	VB QPPL quy định TTHC đã được ban hành	Quyết định của UBND	Số TTHC	Số VBQPPL	Số TTHC	Số VBQPPL	Số TTHC được quy định mới	Số TTHC được sửa đổi, bổ sung
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	
	4		(1)=(3)+(5)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>12</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Sở Giao thông vận tải	12	0	1	12	1	0	12		0	

Biểu số 02/VPCP/KSTT

Ban hành theo Thông tư số 02/2017/TT-

VPCP ngày 21/10/2017



**KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH VỀ TTHC QUY ĐỊNH TRONG CÁC DỰ ÁN/DỰ THẢO VBQPPL TỈNH BẮC GIANG**

Đơn vị báo cáo: UBND tỉnh Bắc Giang  
Đơn vị nhận báo cáo: Văn phòng  
Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC)

Kỳ báo cáo: Năm 2018

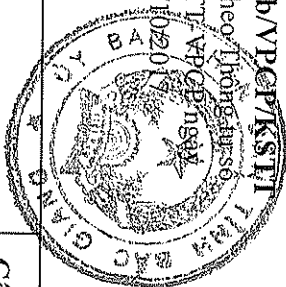
(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 15 tháng 12 năm 2018)

Đơn vị tính:

Văn bản, TTHC

STT	Đơn vị thực hiện	Tổng số		Phân loại theo tên VBQPPL			
		Số TTHC	Số VB QPPL	Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh	Dự thảo Nghị quyết của HĐND		
	A	(1) = (3 + 5)	(2) = (4 + 6)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Tổng số	12	1	12	1	0	0
1	Sở Tư pháp	12	1	12	1		

Biểu số 03b/VPQP/KSTH  
Ban hành theo Quyết định số  
02/2017/TT-VBQP của Bộ  
Quốc phòng ngày  
31/10/2017



**SỞ TTHC, VBQPPL ĐƯỢC CÔNG BỐ,  
CÔNG KHAI TẠI BẮC GIANG**

Kỳ báo cáo: Năm 2018

(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 15 tháng 12 năm 2018)

Đơn vị báo cáo: UBND tỉnh Bắc  
Giang

Đơn vị nhận báo cáo: Văn phòng  
Chính phủ

Đơn vị tính: TTHC, văn bản

STT	Đơn vị thực hiện	Công bố danh mục TTHC			Số lượng quyết định công bố TTHC đã ban hành	Số VBQPPL, TTHC được công bố										
		Số lượng quyết định công bố danh mục TTHC	Số lượng TTHC công bố áp dụng tại địa phương	Số lượng TTHC đã được tích hợp dữ liệu và nhập sửa đổi, bổ sung thông tin trên CSDLQG		Số VBQPPL	Số TTHC			Chia ra			VBQPPL		TTHC	
							Tổng số	Số TTHC quy định mới	Số TTHC được sửa đổi, bổ sung	Số TTHC hủy bỏ, bãi bỏ	Ban hành mới hoặc sửa đổi bổ sung (Công)	Hủy bỏ hoặc bãi bỏ công khai	Quy định mới, được sửa đổi bổ sung (Công)	Hủy bỏ hoặc bãi bỏ công khai		
	A				(1)	(2)=(7+8)	(3)=(4+5+6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
	Tổng số	36	1.057	1.057	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
1	Ban Dân tộc	1	6	6												
2	Sở Công thương	7	129	129												
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	2	146	146												
4	Sở Giao thông Vận tải	1	12	12												
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2	230	230												
6	Sở Khoa học và Công nghệ	3	39	39												



STT	Đơn vị thực hiện	Số lượng bố danh mục TTHC			Số lượng quyết định công bố TTHC đã ban hành	Số VBQPPL, TTHC được công bố										Số VBQPPL, TTHC đã được công khai/không công khai	
		Số lượng quyết định công bố danh mục TTHC	Số lượng TTHC công bố áp dụng tại địa phương	Số lượng TTHC đã được tích hợp dữ liệu và nhập sửa đổi, bổ sung thông tin trên CSDLQG		Số VBQPPL	Số TTHC			Chia ra			VBQPPL		TTHC		
							Tổng số	Số TTHC quy định mới	Số TTHC được sửa đổi, bổ sung	Số TTHC hủy bỏ, bãi bỏ	Ban hành mới hoặc sửa đổi bổ sung (Công)	Hủy bỏ hoặc bãi bỏ (Không công khai)	Quy định mới; được sửa đổi bổ sung (Công)	Hủy bỏ hoặc bãi bỏ (Không công khai)			
	A				(1)	(2)=(7+8)	(3)=(4+5+6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)			
7	Sở Lao động, Thương binh XH	2	47	47													
8	Sở Nông nghiệp và PTNT	3	31	31													
9	Sở Nội vụ	2	75	75													
10	Sở Tài chính	1	6	6													
11	Sở Tài nguyên và Môi trường	1	78	78													
12	Sở Tư pháp	5	94	94													
13	Sở Thông tin Truyền thông	1	43	43													
14	Sở Văn hóa, Thể thao và DL	3	56	56													
15	Sở Y tế	2	65	65													



Biểu số 04b/VPCP/KSTT

Ban hành theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017

**KẾT QUẢ RÀ SOÁT, ĐƠN GIÁN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI TỈNH BẮC GIANG**

Đơn vị báo cáo: UBND tỉnh Bắc Giang  
 Đơn vị nhận báo cáo: Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC)

Ky báo cáo: Năm 2018

(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 15 tháng 12 năm 2018)

TT	Tên TTHC hoặc tên nhóm TTHC trong Kế hoạch rà soát	Phương án rà soát thuộc thẩm quyền thực thi					Phương án rà soát đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền thực thi					Tỷ lệ chi phí tiết kiệm được Số TTHC
		Số lượng VBQPP L được rà soát	Tổng số	Số TTHC			Số lượng VBQPP L được rà soát	Tổng số	Số lượng VBQPP L được rà soát			
				Số TTHC sửa đổi	Số TTHC quy định mới	Số TTHC cắt giảm			Số TTHC sửa đổi	Số TTHC quy định mới	Số TTHC cắt giảm	
	A	(1)	(2)=(3+4+5)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8+9+10)	(8)	(9)	(10)	(11)
	Tổng số	0	0	0	0	0	7	14	14	0	0	0
<b>I</b>	<b>Thực hiện theo Kế hoạch rà soát của UBND cấp tỉnh</b>	0	0	0	0	0	7	14	14	0	0	0
1	Nhóm TTHC liên quan đến cấp giấy đăng ký hoạt động Văn phòng giám định tư pháp, gồm: Thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, cấp lại giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp (mã số: BTP-277078); Thủ tục thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp (mã số: BTP-277081); Thủ tục chuyển đổi loại hình văn phòng giám định tư pháp (mã số: BTP-277078)						1	1	3	0	0	

TT	Tên TTHC hoặc tên nhóm TTHC trong Kế hoạch rà soát	Phương án rà soát thuộc thẩm quyền thực thi					Phương án rà soát để xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền thực thi					Tỷ lệ chi phí tiết kiệm được Số TTHC
		Số lượng VBQPP L được rà soát (1)	Tổng số (2)=(3+4+5)	Số TTHC			Số lượng VBQPP L được rà soát (6)	Số lượng VBQPP L được rà soát (7)=(8+9+10)	Số lượng VBQPP L được rà soát			
				Số TTHC sửa đổi (3)	Số TTHC quy định mới (4)	Số TTHC cắt giảm (5)			Số TTHC sửa đổi (8)	Số TTHC quy định mới (9)	Số TTHC cắt giảm (10)	
2	Nhóm các thủ tục về giấy phép xây dựng đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của cấp trung ương, cấp tỉnh, gồm: Cấp mới (mã số: BXD-263407), cấp lại (mã số: BXD-263420), cấp sửa chữa, cải tạo (mã số: BXD-263421), cấp điều chỉnh (mã số: BXD-263408) và cấp gia hạn (mã số: BXD-263419)	(1)	(2)=(3+4+5)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8+9+10)	(8)	(9)	(10)	(11)
3	Nhóm các thủ tục về Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng gồm: cấp mới, cấp lại, cấp sửa đổi, bổ sung và cấp gia hạn (các thủ tục này Bộ Thông tin và Truyền thông chưa cấp nhất trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính)											
4	Thủ tục Đổi hoặc cấp lại bằng tổ quốc ghi công (mã số: BLE-TBVXXH-286153)						1	1	1	1		



TT	Tên TTHC hoặc tên nhóm TTHC trong Kế hoạch rà soát	Phương án rà soát thuộc thẩm quyền thực thi					Phương án rà soát để xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền thực thi					Tỷ lệ chi phí tiết kiệm được Số TTHC
		Số lượng VBQPP L được rà soát	Tổng số	Số TTHC			Số lượng VBQPP L được rà soát	Tổng số	Số lượng VBQPP L được rà soát			
Số TTHC sửa đổi	Số TTHC quy định mới			Số TTHC cắt giảm	Số TTHC sửa đổi	Số TTHC quy định mới			Số TTHC cắt giảm			
5	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp đối với thanh niên xung phong hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến theo Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ	(1)	(2)=(3+4+5)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8+9+10)	(8)	(9)	(10)	(11)
II	<b>Thực hiện theo Kế hoạch rà soát của TTgCP</b>	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	Thủ tục/nhóm TT		0					0				
2	Thủ tục/nhóm TT		0					0				
3	Thủ tục/nhóm TT		0					0				

Biểu số 05b/PPCP/KSSTT

Ban hành theo Thông tư Số 02/2017/TT-VPCP



**KẾT QUẢ TIẾP NHẬN, XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ (PAKN) VỀ QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH TỈNH BẮC GIANG**

Kỳ báo cáo: Năm 2018

(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 15 tháng 12 năm 2018)

Đơn vị báo cáo: UBND tỉnh Bắc Giang

Đơn vị nhận báo cáo: Văn phòng Chính phủ

**Kết quả xử lý PAKN về quy định hành chính**

Ngành, lĩnh vực có PAKN	Số PAKN về quy định hành chính được tiếp nhận (bao gồm kỳ trước chuyển qua)				Kết quả xử lý PAKN về quy định hành chính							Đăng tải công khai kết quả xử lý	
	Chia ra		Đã xử lý		Chưa xử lý		Chưa theo thời điểm tiếp nhận			Đang xử lý			
	Số PAKN về hành vi hành chính	Số PAKN về nội dung quy định hành chính	Tổng số	Số PAKN về hành vi hành chính	Số PAKN về nội dung quy định hành chính	Tiếp nhận mới trong kỳ	Kỳ trước chuyển qua	Tổng số	Chia ra	Số PAKN về nội dung quy định hành chính			
A	(1)=(2+3)	(2)	(3)	(4)=(5+6)=(7+8)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(10+11)	(10)	(11)	(12)	
<b>Tổng cộng</b>	<b>6</b>	<b>1</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>1</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>6</b>
Nội vụ	1		1	1		1	1						1
Tài chính	1		1	1		1	1						1
Tư pháp	1		1	1		1	1						1
Tài nguyên và Môi trường	3	1	2	3	1	2	3		0			0	3



Biểu số 06đ/VPC/KS/ST/TK/TT

TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
TẠI TỈNH BẮC GIANG

Đơn vị báo cáo: UBND tỉnh Bắc  
Giang

Ban hành theo Thông tư số 02/2017/TT-  
VPCP ngày 21/10/2017

Kỳ báo cáo: Năm 2018

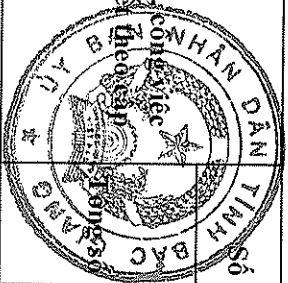
(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 15 tháng 12 năm 2018)

Đơn vị nhận báo cáo: Văn phòng  
Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC)

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC

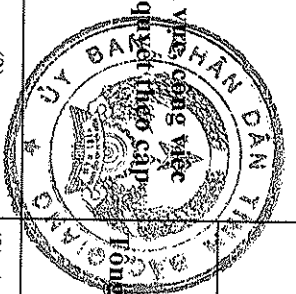


TT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết						Kết quả giải quyết						Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông		
		Tổng số	Trong đó			Số hồ sơ đã giải quyết	Số hồ sơ đang giải quyết			Tổng số	Đã giải quyết		Đang giải quyết			
			Số mới tiếp nhận trực tuyến	Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc DVBC)		Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn		Chưa đến hạn	Quá hạn		Đúng thời hạn	Quá hạn	
(1)	(2)	(3)=4+5+6	(4)	(5)	(6)	(7)=8+9	(8)	(9)	(10)=11+12	(11)	(12)	(13)=14+15+16	(14)	(15)	(16)	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>956.069</b>	<b>10.334</b>	<b>90</b>	<b>945.645</b>	<b>949.751</b>	<b>947.269</b>	<b>2.482</b>	<b>6.318</b>	<b>6.126</b>	<b>192</b>	<b>898.606</b>	<b>890.690</b>	<b>2.473</b>	<b>5.443</b>	
<b>A</b>	<b>Cấp tỉnh</b>	<b>108.047</b>	<b>10.334</b>	<b>90</b>	<b>97.623</b>	<b>105.665</b>	<b>105.393</b>	<b>272</b>	<b>2.382</b>	<b>2.286</b>	<b>96</b>	<b>55.459</b>	<b>53.685</b>	<b>263</b>	<b>1.511</b>	
1	Ban Dân tộc	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	Ban Quản lý các KCN	1.805	0	62	1.743	1.746	1.746	0	59	59	0	1.766	1.707	0	59	
3	Sở Công thương	1.058	224	0	834	1.044	1.044	0	14	14	0	1.058	1.044	0	14	
4	Sở Giáo dục & Đào tạo	20.773	0	0	20.773	20.773	20.773	0	0	0	0	931	931	0	0	
5	Sở Giao thông vận tải	19.493	2.766	0	16.727	19.443	19.437	6	50	50	0	19.493	19.443	0	50	
6	Sở Kế hoạch & Đầu tư	8.321	4.071	0	4.250	8.176	8.068	108	145	139	6	8.321	8.068	108	145	
7	Sở Khoa học & CN	112	0	0	112	109	109	0	3	3	0	112	109	0	3	
8	Sở Lao động, TB & XH	19.389	978	0	18.411	17.918	17.918	0	1.471	1.471	0	6.745	6.084	0	661	
9	Sở Ngoại vụ	107	0	0	107	107	84	23	0	0	0	107	84	23	0	
10	Sở Nội vụ	575	0	0	575	558	521	37	17	5	12	72	18	37	17	



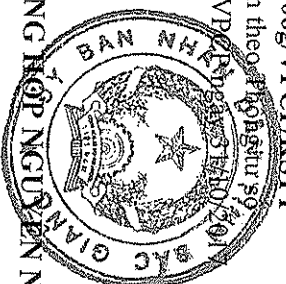
TT	Lĩnh vực công việc giải quyết theo các tiêu chí	Số hồ sơ nhận giải quyết						Kết quả giải quyết						Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông		
		Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết		Số hồ sơ đang giải quyết		Đã giải quyết		Đang giải quyết						
(1)	(2)	(3)=4+5+6	(4)	(5)	(6)	(7)=8+9	(8)	(9)	(10)=11+12		(11)	(12)	(13)=14+15+16	(14)	(15)	(16)
11	Sơ Nông nghiệp và PTNT	13.044	446	0	12.598	13.027	13.027	0	17	17	0	1.095	1.078	0	17	
12	Sơ Tài chính	2.442	1.800	0	642	2.439	2.439	0	3	3	0	2.442	2.439	0	3	
13	Sơ Tài nguyên & MT	1.024	0	28	996	987	987	0	37	37	0	987	987	0	0	
14	Sơ Thông tin và TT	197	0	0	197	189	189	0	8	8	0	197	189	0	8	
15	Sơ Tư pháp	13.850	25	0	13.825	13.441	13.346	95	409	331	78	7.451	6.947	95	409	
16	Sơ Văn hoá, TT và DL	548	24	0	524	539	536	3	9	9	0	548	539	0	9	
17	Sơ Xây dựng	1.392	0	0	1.392	1.377	1.377	0	15	15	0	1.402	1.387	0	15	
18	Sơ Y tế	3.635	0	0	3.635	3.519	3.519	0	116	116	0	2.732	2.631	0	101	
19	Thanh tra tỉnh	282	0	0	282	273	273	0	9	9	0	0	0	0	0	
<b>B</b>	<b>Cấp huyện (10 huyện, thành phố)</b>	<b>112.613</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>112.613</b>	<b>109.449</b>	<b>108.092</b>	<b>1.357</b>	<b>3.164</b>	<b>3.096</b>	<b>68</b>	<b>107.738</b>	<b>103.221</b>	<b>1.357</b>	<b>3.160</b>	
1	Dân tộc	81	0	0	81	80	80	0	1	1	0	81	80	0	1	
2	Công thương	372	0	0	372	366	363	3	6	6	0	372	363	3	6	
3	Giáo dục và Đào tạo	836	0	0	836	831	798	33	5	1	4	655	617	33	5	
4	Giao thông Vận tải	3.129	0	0	3.129	3.115	3.114	1	14	14	0	3.129	3.114	1	14	
5	Kế hoạch đầu tư	13.504	0	0	13.504	13.406	13.238	168	98	98	0	13.467	13.201	168	98	
6	Lao động, TB&XH	14.046	0	0	14.046	13.623	13.502	121	423	422	1	13.767	13.223	121	423	
7	Nội vụ	5.681	0	0	5.681	5.672	5.672	0	9	9	0	3.218	3.209	0	9	

TT	Lĩnh vực giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết	Trong đó				Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông		
			Số mới tiếp nhận thực tuyến	Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc DVBC)	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	Tổng số	Đã giải quyết	Đang giải quyết	
(1)	(2)	(3)=4+5+6	(4)	(5)	(6)	(7)=8+9	(8)	(9)	(10)=11+12	(11)	(12)	(13)=14+15+16	(14)	(15)	(16)
8	Nông nghiệp và PTNT	189	0	0	189	180	178	2	9	9	0	189	178	2	9
9	Tài chính	15.561	0	0	15.561	15.338	15.334	4	223	223	0	14.281	14.054	4	223
10	Tài nguyên và MT	48.210	0	0	48.210	46.031	45.110	921	2.179	2.122	57	48.210	45.110	921	2.179
11	Thông tin và Truyền thông	1.143	0	0	1.143	1.136	1.136	0	7	7	0	1.143	1.136	0	7
12	Tư pháp	5.134	0	0	5.134	5.098	5.040	58	36	30	6	5.074	4.980	58	36
13	Thanh tra	2.559	0	0	2.559	2.463	2.463	0	96	96	0	2.299	2.207	0	92
14	Xây dựng	2.089	0	0	2.089	2.031	1.990	41	58	58	0	1.784	1.685	41	58
15	Văn hóa, Thể thao và DL	69	0	0	69	69	64	5	0	0	0	69	64	5	0
16	Y tế	10	0	0	10	10	10	0	0	0	0	0	0	0	0
C	Cấp xã (230 xã, phường, thị trấn)	735.409	0	0	735.409	734.637	733.784	853	772	744	28	735.409	733.784	853	772
1	Dân tộc	454	0	0	454	454	454	0	0	0	0	454	454	0	0
2	Công thương	44	0	0	44	44	44	0	0	0	0	44	44	0	0
3	Giao thông Vận tải	37	0	0	37	37	37	0	0	0	0	37	37	0	0
4	Kế hoạch và Đầu tư	78	0	0	78	78	78	0	0	0	0	78	78	0	0
5	Lao động, TB&XH	46.582	0	0	46.582	45.993	45.680	313	589	570	19	46.582	45.680	313	589
6	Nội vụ	160	0	0	160	160	151	9	0	0	0	160	151	9	0
7	Nông nghiệp và PTNT	18	0	0	18	18	18	0	0	0	0	18	18	0	0





TT	Lĩnh vực giải quyết theo (2)	Số hồ sơ giải quyết (3)=4+5+6	Trong đó			Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa lên thông		
			Số mới tiếp nhận trực tuyến (4)	Số kỳ trước chuyển qua (5)	Số mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc DVBC) (6)	Tổng số (7)=8+9	Trà đúng thời hạn (8)	Trà quá hạn (9)	Tổng số (10)=11+12	Chưa đến hạn (11)	Quá hạn (12)	Tổng số (13)=14+15+16	Đã giải quyết đúng thời hạn (14)	Quá hạn (15)
8	Tài chính	4	0	0	4	4	4	0	0	0	4	4	0	0
9	Tài nguyên và MT	23.017	0	0	23.017	22.891	22.771	120	126	0	23.017	22.771	120	126
10	Tư pháp	654.676	0	0	654.676	654.621	654.210	411	55	8	654.676	654.210	411	55
11	Thanh tra	18	0	0	18	16	16	0	2	1	18	16	0	2
12	Xây dựng	37	0	0	37	37	37	0	0	0	37	37	0	0
13	Văn hóa, Thể thao và DL	2.503	0	0	2.503	2.503	2.503	0	0	0	2.503	2.503	0	0
14	Y tế	7.781	0	0	7.781	7.781	7.781	0	0	0	7.781	7.781	0	0
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>956.069</b>	<b>10.334</b>	<b>90</b>	<b>945.645</b>	<b>949.751</b>	<b>947.269</b>	<b>2.482</b>	<b>6.318</b>	<b>192</b>	<b>898.606</b>	<b>890.690</b>	<b>2.473</b>	<b>5.443</b>



Biểu số 06g/VPCK/STT  
Ban hành theo Nghị quyết số  
02/2017/TT-VP của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

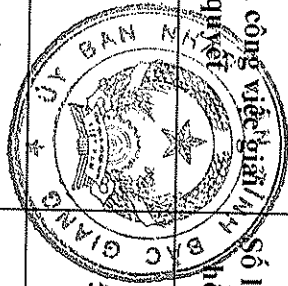
NGUYỄN NHÂN QUÁ HẠN ĐỐI VỚI CÁC  
TRƯỜNG HỢP TÒN ĐỒNG TRONG GIẢI  
QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
Kỳ báo cáo: Năm 2018  
(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 15  
tháng 12 năm 2018)

**I. TỔNG HỢP NGUYỄN NHÂN QUÁ HẠN**

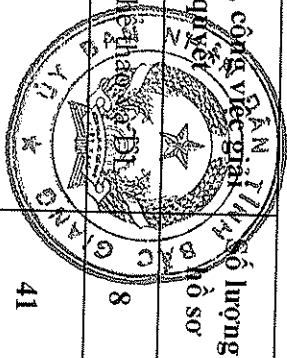
Đơn vị báo cáo: UBND tỉnh Bắc Giang  
Đơn vị nhận báo cáo: Văn phòng Chính phủ

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết	Số lượng hồ sơ	Chia ra theo cấp, đơn vị		Nguyên nhân quá hạn
			Số, ngành	Huyện, thành phố	
	(1)		(2)		(3)
1	Dân tộc	0	0	0	
2	Quản lý các KCN	0	0		
3	Công thương	3	0	3	dx3: Lỗi hệ thống phần mềm Một cửa
4	Giáo dục và Đào tạo	37	0	37	b3x37: Do công chức chậm xử lý hồ sơ trên Phần mềm một cửa
5	Giao thông Vận tải	7	6	1	dx7: Lỗi hệ thống phần mềm Một cửa
6	Kế hoạch đầu tư	282	114	168	- b1x114: Do thiếu biên chế - b3 x 130 : Do công chức chậm xử lý hồ sơ trên Phần mềm Một cửa - d x 38: Lỗi hệ thống mạng, hệ thống phần mềm Một cửa không truy cập được để xử lý:
7	Khoa học và Công nghệ	0	0		
8	Lao động, TB&XH	454	0	454	- a4 x 29: Do cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chưa tốt - b3 x 55: Do công chức chậm xử lý hồ sơ trên Phần mềm Một cửa - b2 x 243: Do cán bộ phòng chuyên môn giải quyết chậm - d x 62: Do hồ sơ phải trả lại nhiều lần; - d x 65: Lỗi hệ thống mạng, hệ thống phần mềm Một cửa không truy cập được để xử lý:
9	Ngoại vụ	23	23	0	- a4x23: Do cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chưa tốt

STT	Lĩnh vực, công việc giải/ quyết	Số lượng hồ sơ	Chia ra theo cấp, đơn vị		Nguyên nhân quá hạn
			Số, ngành	Huyện, thành phố	
10	Nội vụ	58	49	9	- b3x10: Do công chức chậm xử lý hồ sơ trên Phần mềm Một cửa - a4x39: Do cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chưa tốt - b3x9: Do công chức chậm xử lý hồ sơ trên Phần mềm một cửa
11	Nông nghiệp và PTNT	2		2	- b2x2: Do cán bộ phòng chuyên môn thụ lý chậm;
12	Tài chính	4		4	dx4: Lỗi hệ thống mạng, hệ thống phần mềm Một cửa không truy cập được để xử lý; - a4 x 224: Do cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chưa tốt - b1x 56: Do thiếu biên chế - b2 x 55: Do cán bộ phòng chuyên môn giải quyết chậm - b3 x 224 : Do công chức chậm xử lý hồ sơ trên Phần mềm Một cửa - d x 87: Lỗi hệ thống mạng, hệ thống phần mềm Một cửa không truy cập được để xử lý; - d x 52: Đối với những hồ sơ yêu cầu cấp Giấy chứng nhận QSD đất liên quan đến tách thửa, nhiều trường hợp bị trùng thửa dẫn đến phải điều chỉnh, xác minh lại dẫn đến bị chậm hạn; hồ sơ công dân nộp không khớp với hồ sơ lưu cần xác minh; - a1x200: Do quy định của pháp luật chưa rõ ràng; - a2x200: Do quy định tại văn bản QPPP không hợp lý
13	Tài nguyên và Môi trường	1.098		1.098	- a3x 170: do quy định tại văn bản QPPL không hợp lý; - a4x57: Do cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chưa tốt;
14	Thông tin và Truyền thông	0	0	0	- b1 x 33: Do thiếu biên chế - b3 x 271: Do công chức chậm xử lý hồ sơ trên Phần mềm Một cửa; - b3 x 65: Do lãnh đạo đơn vị vắng mặt, không trình ký kịp thời, xử lý phần mềm điện tử không tích hợp kịp thời - d x 2: Hồ sơ công dân nộp không khớp với sổ lưu, cần xác minh; - d x 58: Lỗi hệ thống mạng, hệ thống phần mềm Một cửa không truy cập được để xử lý;
15	Tư pháp	656	173	483	



STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết hồ sơ	Chia ra theo cấp, đơn vị		Nguyên nhân quá hạn
		Số, ngành	Huyện, thành phố	
16	Văn hóa, Thể thao và Du lịch	3	5	- b3x8: Do công chức chậm xử lý trên Phần mềm Một cửa
17	Xây dựng	41	41	a4x19: Do cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chưa tốt b2x9: Do cán bộ phòng chuyên môn giải quyết chậm b3x13: Do công chức chậm xử lý hồ sơ trên Phần mềm Một cửa;
18	Y tế	0		
19	Thanh tra	1	1	a4x1: Do cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chưa tốt
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.674</b>	<b>368</b>	<b>2.306</b>



## II. CÁC TRƯỜNG HỢP QUÁ HẠN DO QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH:

1) a3 x 41

STT	Tên TTHC	Nội dung vướng mắc	Văn bản QPPL
1	2	3	4
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Hành chính - Tư pháp</b>		
1	Cấp phiếu lý lịch tư pháp số 1	Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia trả lời kết quả xác minh muộn. Trường hợp có thông tin về án tích hoặc cấp Phiếu Lý lịch tư pháp trong trường hợp đương nhiên xóa án tích cần phải xác minh thêm tại cơ quan chức năng khác. Tuy nhiên thời gian giải quyết là 15 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thêm thời gian kéo dài thêm không quá 10 ngày vẫn chưa đảm bảo để giải quyết cấp Phiếu Lý lịch tư pháp cho những trường hợp	Bộ luật hình sự năm 2015; Luật Lý lịch tư pháp 2010; Nghị định 111/2010/NĐ-CP ngày 23/11/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp; Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10/5/2012 giữa Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp